

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng**
Ngành đào tạo: **Quản lý giáo dục**
Tên tiếng Anh: **Educational Administration**
Mã ngành: **8140114**
Hình thức đào tạo: **Chính quy; Vừa làm vừa học**

Bình Định, 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2206/QĐ-ĐHQN ngày 03 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ - Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: Quản lý giáo dục
Tên tiếng Anh: Educational Administration
Mã ngành: 8140114
Hình thức đào tạo: Chính quy; Vừa làm vừa học

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục theo định hướng ứng dụng nhằm đào tạo học viên có phẩm chất và năng lực: quản lý trong các cơ sở giáo dục và đào tạo, tổ chức các hoạt động giáo dục, có năng lực nghiên cứu khoa học giáo dục, giải quyết tốt các vấn đề của thực tiễn giáo dục; đồng thời đảm nhiệm công tác quản lý giáo dục, giảng dạy, nghiên cứu về quản lý giáo dục; có khả năng tiếp tục học tập trình độ tiến sĩ về Quản lý giáo dục.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs):

Thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Hiểu, biết các kiến thức cơ bản về khoa học: quản lý, quản trị, quản lý giáo dục, pháp luật, chính trị, giáo dục học, tâm lý học và khoa học xã hội.

+ PO2: Vận dụng được kỹ năng và phẩm chất cá nhân trong hoạt động nghiên cứu, quản lý giáo dục và phát triển nghề nghiệp.

+ PO3: Có khả năng nghiên cứu, phát hiện, giải quyết và xử lý được các vấn đề phát sinh từ thực tiễn của công tác quản lý giáo dục.

- Về kỹ năng

+ PO4: Có kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, phát hiện và giải quyết vấn đề phức tạp, tư duy phản biện, sáng tạo và nghiên cứu độc lập để phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực được đào tạo;

+ PO5: Vận dụng linh hoạt các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để phân tích, giải thích được các hiện tượng cụ thể trong công tác quản lý giáo dục;

+ PO6: Có kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông, ngoại ngữ tốt để ứng

dụng trong các hoạt động chuyên môn, giao tiếp và quản lý; có kỹ năng quản lý sự thay đổi, kỹ năng quản lý cảm xúc bản thân và biết thuyết phục, chia sẻ.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Nhận thức đúng vai trò của người cán bộ quản lý, có phẩm chất đạo đức trong quản lý, có ý thức chấp hành pháp luật; Có bản lĩnh nghề nghiệp, có tinh thần làm việc khoa học, trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc được giao;

+ PO8: Tự đánh giá năng lực quản lý bản thân và luôn nêu cao tinh thần chịu trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ quản lý đảm nhận.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục có thể đảm nhiệm vị trí:

- Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên ở các tổ chức, cơ quan quản lý giáo dục, cơ sở giáo dục và đào tạo, viện nghiên cứu giáo dục;

- Cán bộ quản lý nhà trường: hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, chủ nhiệm khoa, phó chủ nhiệm khoa, tổ trưởng, phó tổ trưởng chuyên môn và những vị trí tương đương;

- Cán bộ quản lý lãnh đạo và chuyên viên trong các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống vĩ mô ngành Giáo dục và Đào tạo;

- Cán bộ nghiên cứu và điều hành nghiên cứu về Khoa học giáo dục và Quản lý giáo dục ở các viện nghiên cứu, tổ chức chuyên về hoạt động liên quan đến giáo dục.

- Cán bộ quản lý hoạt động đào tạo nhân lực, nghiên cứu khoa học ở các tổ chức kinh doanh, cơ sở sản xuất.

3. CHUẨN ĐẦU RA

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở

1) PLO1: Người học nắm và vận dụng được các kiến thức cơ bản về pháp luật, chính trị, khoa học xã hội trong hoạt động nghề nghiệp quản lý giáo dục;

2) PLO2: Người học hiểu và vận dụng được các kiến thức về khoa học quản lý, quản trị, quản lý giáo dục, giáo dục học, tâm lý học trong công tác quản lý giáo dục;

+ Kiến thức chuyên sâu của ngành

3) PLO3: Làm chủ kiến thức ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

4) PLO4: Người học nắm vững những kiến thức lý luận chung về nghiên cứu quản lý giáo dục như: Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục cơ bản, đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo; Phong cách lãnh đạo và quản lý; Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường; Quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục; Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo; Kinh tế học giáo dục;

5) PLO5: Kết quả nghiên cứu được thể hiện trong học phần tốt nghiệp (đề án) phải phản ánh những phương pháp nghiên cứu, thực trạng vấn đề nghiên cứu, đưa ra được các biện pháp, giải pháp mang tính đặc thù của ngành Quản lý giáo dục, áp dụng những kết quả nghiên cứu đó vào việc giải quyết một vấn đề cụ thể của thực tiễn quản lý; hiện thực hóa thành một đề tài nghiên cứu có tính khoa học, không trùng lặp với những nghiên cứu khác đồng thời chưa từng được công bố;

6) PLO6: Kết quả của học phần tốt nghiệp (đề án) có giá trị thực tiễn bao gồm: hệ thống hoá kiến thức nền tảng, cung cấp một số vấn đề mới, cách nhìn mới, tổng thuật kiến thức hoặc lý thuyết đóng góp vào việc hoàn thiện và phát triển các lý thuyết nghiên cứu đối với lĩnh vực Quản lý giáo dục và hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành đào tạo của học viên.

3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

7) PLO7: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ cơ bản với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tối thiểu tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

8) PLO8: Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin với 6 modul cơ bản: các kỹ năng hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính cơ bản, xử lý văn bản cơ bản, sử dụng bảng tính cơ bản, sử dụng trình chiếu cơ bản, sử dụng Internet cơ bản;

9) PLO9: Có kỹ năng xử lý và hoàn thành công việc thường xuyên; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những biện pháp, giải pháp mới, phát triển các nội dung khoa học mới trong lĩnh vực được đào tạo; Có kỹ năng làm việc nhóm, có khả năng tham gia xây dựng nhóm làm việc, nhóm nghiên cứu;

+ Kỹ năng chuyên môn

10) PLO10: Hiểu rõ cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể làm cơ sở phân tích, đánh giá các vấn đề cụ thể của trong quá khứ và thực trạng; Có kỹ giải quyết, xử lý các vấn đề trong thực tiễn hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục;

11) PLO11: Có năng lực thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp, khái quát, trừu tượng hóa, cụ thể hóa trong hoạt động quản lý giáo dục. Các năng lực này làm cơ sở tiền đề cho việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra đánh giá trong công tác quản lý giáo dục.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

12) PLO12: Có năng lực tự chủ và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

13) PLO13: Có năng lực tự điều chỉnh, cải tiến, đổi mới hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục; Có năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao.

4. CHUẨN ĐẦU VÀO

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành Quản lý giáo dục;

- Có trình độ ngoại ngữ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành phù hợp:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành tốt nghiệp đại học phù hợp	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	- Cử nhân Quản lý giáo dục	

- Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành cần bổ sung kiến thức: Danh mục ngành cần bổ sung kiến thức và học phần cần học bổ sung kiến thức bao gồm:

TT	Ngành dự tuyển thạc sĩ	Ngành cần bổ sung kiến thức	Học phần bổ sung kiến thức	Ghi chú
1	Quản lý giáo dục	- Các ngành khoa học giáo dục - Các ngành đào tạo giáo viên <i>Những ngành khác thì xem xét từng trường hợp</i>	- Tâm lý học đại cương - Giáo dục học đại cương - Lý luận dạy học - Lý luận giáo dục - Tâm lý học quản lý - Khoa học Quản lý giáo dục	Tùy trường hợp cụ thể Khoa đề xuất lựa chọn số lượng học phần bổ sung kiến thức

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn ban hành kèm theo Quyết định số 2705/QĐ-ĐHQN ngày 21/10/2021).

6. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

6.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

6.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

60 tín chỉ (bao gồm 06 tín chỉ thực tập và 09 tín chỉ Đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
1. Phần kiến thức chung	04
2. Phần kiến thức cơ sở và ngành	(47)
2.1. Các học phần bắt buộc	27
2.2. Các học phần tự chọn	20
3. Đề án tốt nghiệp	09
Tổng	60

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn.

7.2. Điều kiện tốt nghiệp

Theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Quy Nhơn:

- a) Đã hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo và bảo vệ đề án đạt yêu cầu;
- b) Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp; được minh chứng bằng một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế Tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài;
- c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường Đại học Quy Nhơn; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

8.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

8.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

- Học phần lý thuyết

+ Đánh giá quá trình: 40%

+ Đánh giá cuối kỳ: 60%

- Học phần thực tập

+ Đánh giá quá trình: 40%

+ Chấm báo cáo thực tập: 60%

- Đề án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí cụ thể được nêu chi tiết trong M4 của học phần.

8.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

9. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng Kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					Tổng	LT	BT, TH, TN			
	Chữ	Số								
I. Phần kiến thức chung (bắt buộc)					4					
1	XHTH	501	Triết học	1	4	60			K.LLCT-L-QLNN	
II. Phần kiến thức cơ sở và ngành										
II.1. Kiến thức cơ sở										
II.1.1. Bắt buộc					6					
2	QLPL	503	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục	1	3	35	10	XHTH 501	KHXH&NV	
3	QLĐQ	504	Khoa học quản lý giáo dục (nâng cao)	1	3	30	15	XHTH 501	KHXH&NV	
II.2. Kiến thức ngành										
II.2.1. Bắt buộc					21					
4	QLQT	525	Quản lý quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường	2	3	35	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	
5	QLTĐ	524	Lãnh đạo và quản lý phát triển tổ chức, đội ngũ	2	3	35	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	
6	QLLC	526	Phân tích lợi ích - chi phí trong giáo dục	3	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
7	QLVL	527	Quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục (nâng cao)	3	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
8	QLKC	529	Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	2	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
9	QLTT	541	Thực tập 1	2	3		45	QLĐQ 504	KHXH&NV	
10	QLTT	542	Thực tập 2	3	3		45	QLĐQ 504	KHXH&NV	
II.2.2. Tự chọn (20 TC)					20/35					
11	QLGH	509	Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học hiện đại	1	2	20	10	XHTH 501	KHXH&NV	

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng Kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					Tổng	LT	BT, TH, TN			
12	QLPC	510	Phong cách lãnh đạo và quản lý	1	2	23	7	XHTH 501	KHXH&NV	
13	QLVB	519	Kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản giáo dục và đào tạo	1	2	20	10	XHTH 501	KHXH&NV	
14	QLĐM	539	Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo	3	2	25	5	QLĐQ 504	KHXH&NV	
15	QLXQ	523	Xã hội học quản lý	2	2	23	7	XHTH 501	KHXH&NV	
16	QLVH	528	Quản lý quá trình định hình và phát triển văn hóa nhà trường	2	3	35	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	
17	QLHN	540	Quản lý giáo dục trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa	4	2	25	5	QLĐQ 504	KHXH&NV	
18	QLNL	533	Quản lý phát triển nhân lực giáo dục trong thế kỷ 21	3	3	35	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	
19	QLKG	535	Kinh tế học giáo dục (nâng cao)	3	2	23	7	QLĐQ 504	KHXH&NV	
20	QLKT	534	Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục	3	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
21	QLCS	538	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo	3	2	20	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	
22	QLXL	522	Kỹ thuật xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	2	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
23	QLKĐ	531	Thanh tra, kiểm tra, đánh giá giáo dục và đào tạo	1	2	23	7	XHTH 501	KHXH&NV	
24	QLPT	536	Phát triển chương trình giáo dục (nâng cao)	3	3	30	15	QLĐQ 504	KHXH&NV	
25	QLCL	530	Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo	4	2	20	10	QLĐQ 504	KHXH&NV	

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng Kiến thức		Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
					Tổng	LT BT, TH, TN			
II.3. Học phần tốt nghiệp									
26	QLTN	543	Đề án tốt nghiệp	4	09	135		KHXH&NV	
Tổng cộng					60				

Bảng Ma trận mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra

TT	Mã học phần		Tên HP	PLOs												
	Chữ	Số		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	XHTH	501	Triết học	M			M	M	M					M	M	M
2	QLPL	503	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục		M	M	M	M	M		M	M	M	M	M	M
3	QLĐQ	504	Khoa học quản lý giáo dục (nâng cao)	L	M	H	M	H	H	L	M	M	M	M	M	M
4	QLQT	525	Quản lý quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
5	QLTĐ	524	Lãnh đạo và quản lý phát triển tổ chức, đội ngũ		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
6	QLLC	526	Phân tích lợi ích - chi phí trong giáo dục		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
7	QLVL	527	Quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục (nâng cao)		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
8	QLKC	529	Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
9	QLTT	541	Thực tập 1		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
10	QLTT	542	Thực tập 2		M	M	M	H	H	L	H	H	H	M	M	M
11	QLGH	509	Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học hiện đại	L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L	L
12	QLPC	510	Phong cách lãnh đạo và quản lý		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
13	QLVB	519	Kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản giáo dục và đào tạo		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
14	QLĐM	539	Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
15	QLXQ	523	Xã hội học quản lý	L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L	L
16	QLVH	528	Quản lý quá trình định hình và phát triển văn hóa nhà trường		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
17	QLHN	540	Quản lý giáo dục trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L

TT	Mã học phần		Tên HP	PLOs												
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
17	QLNL	533	Quản lý phát triển nhân lực giáo dục trong thế kỷ 21		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
18	QLKG	535	Kinh tế học giáo dục (nâng cao)		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
19	QLKT	534	Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
20	QLCS	538	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
21	QLXL	522	Kỹ thuật xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
22	QLKĐ	531	Thanh tra, kiểm tra, đánh giá giáo dục và đào tạo		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
24	QLPT	536	Phát triển chương trình giáo dục (nâng cao)		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
25	QLCL	530	Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo		L	M	M	M	M	L	M	M	M	M	M	L
26	QLTN	543	Học phần tốt nghiệp (Đề án)		M	M	M	M	M	H	M	M	M	M	M	M

10. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Phần kiến thức chung (bắt buộc)				4						
1	XHTH	501	Triết học	4	4				K.LLCT-L-QLNN	K.LLCT-L-QLNN
II. Phần kiến thức cơ sở và ngành										
II.1. Kiến thức cơ sở										
II.1.1. Bắt buộc				6						
2	QLPL	503	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục và quản lý giáo dục	3	3				PGS.TS. Võ Nguyên Du PGS.TS. Phan Minh Tiến	KHXH&NV
3	QLĐQ	504	Khoa học quản lý giáo dục (nâng cao)	3	3				TS. Dương Bạch Dương TS. Trần Xuân Bách	KHXH&NV
II.2. Kiến thức ngành										
II.2.1. Bắt buộc				21						
4	QLQT	525	Quản lý quá trình giáo dục và đào tạo trong nhà trường	3	3				PGS.TS. Võ Nguyên Du PGS.TS. Trần Xuân Bách	KHXH&NV
5	QLTĐ	524	Lãnh đạo và quản lý phát triển tổ chức, đội ngũ	3	3				PGS.TS. Phùng Đình Mẫn PGS. TS. Nguyễn Sỹ Thư	KHXH&NV

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
6	QLLC	526	Phân tích lợi ích - chi phí trong giáo dục	3			3		PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ PGS.TS. Lê Khánh Tuấn	KHXH&NV
7	QLVL	527	Quản lý cơ sở vật chất - thiết bị trong giáo dục (nâng cao)	3			3		TS. Nguyễn Lê Hà PGS.TS. Lê Khánh Tuấn	KHXH&NV
8	QLKC	529	Lập kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường	3		3			TS. Dương Bạch Dương TS. Nguyễn Lê Hà	KHXH&NV
9	QLTT	541	Thực tập 1	3		3			KHXH&NV	KHXH&NV
10	QLTT	542	Thực tập 2	3			3		KHXH&NV	KHXH&NV
II.2.2. Tự chọn (20 TC)				20/ 35						
11	QLGH	509	Những vấn đề cơ bản của Giáo dục học hiện đại	2	2				PGS.TS. Võ Nguyên Du PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu	KHXH&NV
12	QLPC	510	Phong cách lãnh đạo và quản lý	2	2				PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn TS. Nguyễn Lê Hà	KHXH&NV
13	QLVB	519	Kỹ thuật xây dựng, quản lý văn bản giáo dục và đào tạo	2	2				PGS.TS. Võ Xuân Hào TS. Nguyễn Quý Thành	KHXH&NV
14	QLDM	539	Đổi mới quản lý giáo dục và đào tạo	2			2		PGS.TS. Phan Minh Tiến PGS.TS. Lê Quang Sơn	KHXH&NV
15	QLXQ	523	Xã hội học quản lý	2		2			TS. Đinh Anh Tuấn TS. Nguyễn Đình Khoa	KHXH&NV
16	QLVH	528	Quản lý quá trình định hình và phát triển văn hoá nhà trường	3		3			TS. Mai Xuân Miên PGS.TS. Trần Văn Hiếu	KHXH&NV
17	QLHN	540	Quản lý giáo dục trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa	2			2		PGS.TS. Lê Quang Sơn PGS.TS. Nguyễn Văn Đệ	KHXH&NV
18	QLNL	533	Quản lý phát triển nhân lực giáo dục trong thế kỷ 21	3			3		PGS.TS. Trần Quốc Tuấn PGS.TS. Nguyễn Sĩ Thư	KHXH&NV
19	QLKG	535	Kinh tế học giáo dục (nâng cao)	2			2		PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Nguyễn Ngọc Tiến	KHXH&NV
20	QLKT	534	Kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin trong quản lý giáo dục	3			3		TS. Nguyễn Lê Hà PGS.TS. Trần Thị Thái Hà	KHXH&NV
21	QLCS	538	Chính sách và chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo	2			2		PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền PGS.TS. Trần Xuân Bách	KHXH&NV
22	QLXL	522	Kỹ thuật xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục	3		3			TS. Nguyễn Lê Hà PGS.TS. Ngô Quang Sơn	KHXH&NV

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
23	QLKĐ	531	Thanh tra, kiểm tra, đánh giá giáo dục và đào tạo	2	2				PGS. TS. Trần Quốc Tuấn TS. Hồ Văn Toàn	KHXH&NV
24	QLPT	536	Phát triển chương trình giáo dục (nâng cao)	3			3		TS. Đoàn Văn Hưng GS.TS. Nguyễn Sĩ Thư	KHXH&NV
25	QLCL	530	Quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo	2			4		TS. Mai Xuân Miên PGS.TS. Trần Văn Hiếu	KHXH&NV
II.3. Học phần tốt nghiệp										
26	QLTN	543	Học phần tốt nghiệp (Đề án)	9			9		KHXH&NV	KHXH&NV
Tổng cộng				60	16	17	16	11		

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh khoá 24 (đợt tuyển sinh sau ngày 15/10/2021) cho học viên ngành Quản lý giáo dục.

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa quản lý chuyên môn sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trưởng khoa quản lý chuyên môn chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Quản lý giáo dục và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

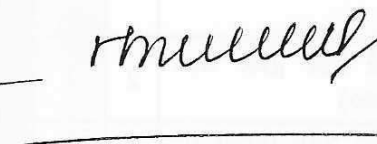
Bình Định, ngày 03 tháng 12 năm 2021

TRƯỞNG KHOA

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

KI. HIỆU TRƯỞNG







TS. Nguyễn Doãn Thuận

PGS.TS. Hồ Xuân Quang

PGS.TS. Đoàn Đức Tùng